

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường củ Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Đảm bảo phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
9. Xây dựng Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
10. Có quyền Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
11. Đề xuất và kiến nghị tại Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau :
  - a. Phê duyệt danh sách tổ kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - b. Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
12. Quyền cung cấp thông tin của ban kiểm soát :
  - a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
  - b. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

- c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
13. Có quyền Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
14. Có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
15. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
16. Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại điểm d và e Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này phải đảm bảo có các nội dung sau :
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
  - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
  - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
  - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
  - Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.
  - Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
17. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.

#### **Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 43 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

### **Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm : Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp; trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại khoản Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty, không được sử dụng những thông tin nêu trên để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác, đồng thời không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu

trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau :

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ nhỏ hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn tới giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch đối với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người hoặc tổ chức có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại mục r khoản 2 Điều 16 Điều lệ này khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận :

#### **Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố ( bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi

ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí được bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế ( kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 điều 13 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan tới bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **Chương XII. CÁN BỘ QUẢN LÝ, CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

### **Điều 47. Cán bộ quản lý, Công nhân viên và công đoàn**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và các chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời

điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

3. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Chế độ tuyển dụng: Về tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động kể cả các cán bộ quản lý (thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc) phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế tuyển dụng và cho thôi việc cán bộ, công nhân viên của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

4. Chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động (bao gồm cả các cán bộ quản lý) làm việc trong Công ty: Người lao động làm việc trong Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 đều phải ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền), được hưởng quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Luật Lao động, quy định của Công ty, và hợp đồng lao động đã ký kết.

#### **Điều 48. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty có các đơn vị trực thuộc (Xí nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đội thi công), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty con.

2. Công ty có thể thành lập các đơn vị thành viên ở trong nước và ngoài nước theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi pháp luật cho phép.

#### **Điều 49. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc**

Các đơn vị trực thuộc công ty bao gồm Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, hạch toán độc lập thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

#### **Điều 50. Quản lý phần vốn góp của Công ty trong các Công ty liên quan**

1. Công ty giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các Công ty liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Công ty quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng thời điểm cử người đại diện cụ thể.

### **Điều 51. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan**

1. Khi Công ty nắm quyền chi phối đối với một Công ty liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động;
- b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược sản xuất kinh doanh;
- c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hàng năm;
- d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan;
- đ. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;
- e. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Công ty, liên kết với các Công ty có liên quan để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;
- g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty có liên quan;
- h. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật.

2. Công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, đầu tư giữa các đơn vị thành viên được xác định trên cơ sở vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

### **Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Công ty. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

- a. Phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của công ty. Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật chức danh Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên.

- b. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.
  - c. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Công ty; trình chủ sở hữu quyết định chuyển một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
  - d. Quyết định dự án đầu tư, mua bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
  - e. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; giám sát đánh giá hiệu quả của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty theo Điều lệ Công ty.
  - f. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.
  - g. Trình chủ sở hữu quyết định tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty theo quy định của pháp luật.
  - h. Các quyền khác theo quy định của chủ sở hữu và quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Công ty phân cấp cho Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc công ty; Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
4. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
- a. Góp vốn đầu đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp vốn đủ và đúng hạn như đã cam kết thì phải chịu các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết.
  - b. Tuân thủ Điều lệ Công ty.
  - c. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và của Công ty.
  - d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3.
  - e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 53. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty .

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

342  
VG  
PH.  
À XÃ  
TR  
HỒ



- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng của cổ đông do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:
- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
  - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
  - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty thực hiện theo quy định của Điều 60, Điều 61 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết

một số điều của Luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty.

## **Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 54. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 55. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch năm đó.

### **Điều 56. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán của Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.
4. Công ty thực hiện quản lý tài chính theo chế độ hiện hành của Nhà nước và các Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

## **Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 57. Báo cáo tài chính**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật và Điều 59 Điều lệ này.

Công ty phải công bố báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp và các quy định tại quy chế tài chính, hướng dẫn nghiệp vụ do Công ty ban hành.

Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của công ty mẹ còn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn vào cuối niên độ kế toán.

Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo quy định của Quy chế tài chính công ty.

### **Điều 58. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 59. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản, điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

## **Chương XVII. DẤU CỦA CÔNG TY**

### **Điều 60. Dấu của công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty (nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Chương XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

### Điều 61. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
3. Công ty có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.
4. Trình tự, thủ tục về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được thực hiện theo các quy định của pháp luật

### Điều 62. Tổ chức lại

1. Chia công ty : Công ty có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có ( gọi là công ty bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới. Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 198 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Tách công ty : công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có ( gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty mới ( gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 199 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
3. Hợp nhất công ty : Công ty cùng với một hoặc một số công ty ( gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 200 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
4. Sáp nhập công ty : Một hoặc một số công ty ( gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 201 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
5. Chuyển đổi hình thức pháp lý : Công ty có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Phương thức , thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty

được thực hiện theo quy định tại Điều 203, Điều 204 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

### **Điều 63. Giải thể công ty.**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Giải thể hoặc chấm dứt theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Các quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền ( nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.
4. Đối với việc giải thể Công ty trong trường hợp quy định tại mục a, khoản 1 Điều này Nghị quyết, Quyết định giải thể công ty phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau :
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty ;
  - b. Lý do giải thể;
  - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty;
  - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
  - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01(một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);

- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (v) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
6. Trình tự, Thủ tục và các hồ sơ giải thể công ty được thực hiện theo các quy định tại điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 và Điều 212 Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

#### **Điều 64. Phá sản Công ty**

Thủ tục phá sản và việc thanh lý tài sản của Công ty trong trường hợp phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

### **Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- b. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác của Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài kinh tế hoặc toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

### **Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 66. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ**

1. Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3, khi cần thì được bổ sung, sửa đổi. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua biểu quyết.

2. Trường hợp pháp luật có những quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## Chương XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 67. Điều khoản chung

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 nhất trí thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021 tại Văn phòng trụ sở Công ty số 136/1 Trần Phú, phường 4, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này và đã được sửa đổi ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 ngày 26 tháng 6 năm 2019.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị ./.

### CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Trần Quốc Đoàn**

**UỶ VIÊN HĐQT**

**Phạm Văn Thúc**

**UỶ VIÊN HĐQT**

**Nguyễn Kim Chinh**

**UỶ VIÊN HĐQT**

**Phan Quốc Hiếu**

**UỶ VIÊN HĐQT**

**Phạm Ngọc Côi**